TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 313/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05-6-2025
V/v: Ly hôn giữa ông Nguyễn Y và bà Phan Thị Mộng T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Bảy.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đức Nhì
  2. Bà Phan Thị Thu Thủy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thùy Vân- Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 611/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2024, về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Y, sinh năm: 1966

Nơi thường trú: 178/1 ấp T, xã A, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Mộng T, sinh năm: 1982

Nơi thường trú: 743/29 đường B, Phường K, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

Các đương sự vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 26/11/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Y trình bày:

Ông Nguyễn Y và bà Phan Thị Mộng T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 157/2022 do Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/6/2022; ông Nguyễn Y và bà Phan Thị Mộng T không có con chung.

Trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, luôn bất đồng ý kiến, không còn tin tưởng, quan tâm lẫn nhau. Nhận thấy vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc nhau, không còn tình cảm nên ông Nguyễn Y yêu cầu được ly hôn với bà Phan Thị Mộng T.

Vê con chung: Ông Nguyễn Y tự khai không có

Về tài sản chung; nợ chung: Ông Nguyễn Y tự khai không có.

Bị đơn: Bà Phan Thị Mộng T vắng mặt; Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đến tòa để làm Bản tự khai,

Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Phan Thị Mộng T đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không lấy được lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Y có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu được ly hôn với bà Phan Thị Mộng T; con chung không có; tài sản chung không có, nợ chung không có.

Bị đơn: Bà Phan Thị Mộng T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, xét thấy các bên đã mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến việc sống ly thân, các bên không còn tình cảm với nhau, không muốn tiếp tục chung sống nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Nguyễn Y được ly hôn với bà Phan Thị Mộng T

* Về con chung: Ông Nguyễn Y tự khai không có.

* Về tài sản chung, nợ chung: Ông Y tự khai không có nên không xem xét

* Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

- Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 6 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Ông Nguyễn Y và bà Phan Thị Mộng T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo theo Giấy chứng nhận kết hôn số 157/2022 do Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/6/2022. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Về quan hệ vợ chồng: ông Nguyễn Y yêu cầu ly hôn bà Phan Thị Mộng T, Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ nhưng ông Nguyễn Y xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà Phan Thị Mộng T, nên giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Xét thấy: Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự nhưng bà Phan Thị Mộng T không đến tòa, ông Y xin vắng mặt vì bận việc gia đình. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được.

Xét mâu thuẫn hôn nhân gia đình giữa ông Nguyễn Y và bà Phan Thị Mộng T: ông Nguyễn Y xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn về tính cách do chênh lệch tuổi tác, ông Y không làm ra tiền nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Quá trình sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi vả kéo dài, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Vợ chồng không còn tình cảm, không còn thương yêu chăm sóc, quan tâm nhau. Mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với bà Phan Thị Mộng T là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Về con chung: Không có

Về tài sản chung; về nợ chung: ông Nguyễn Y xác định không có, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000 đồng, ông Nguyễn Y phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí, Luật thi hành án dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Y

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Y được ly hôn với bà Phan Thị Mộng T

Giấy chứng nhận kết hôn số 157/2022 do Ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/6/2022 không còn hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung; nợ chung: Không có

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông Nguyễn Y phải chịu là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Y đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010499 ngày 05/12/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6. Ông Nguyễn Y đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Y, bà Phan Thị Mộng T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- UBND xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bé Bảy